

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 77, ấp An Bình, xã B, huyện L, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phạm Phú Q, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp An Bình, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:***

Chị và anh Phạm Phú Q tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, đi làm nhưng không đưa tiền phụ giúp chị nuôi con. Anh Q còn chơi cờ bạc gây nợ nần, bán hết đồ đạc có giá trị trong nhà, cầm cố nhà cửa, gây ra nhiều khoản nợ

bất chị phải trả, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc.

Đến năm 2017, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên anh Q bỏ nhà ra thuê phòng trọ gần nhà sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Năm 2019 chị nộp đơn xin ly hôn, sau đó chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Phạm D, sinh năm 1999 và cháu Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 20/01/2002. Khi nộp đơn khởi kiện cháu T chưa đủ 18 tuổi, nay cháu D và cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Phạm Phú Q nhưng anh Q không đến làm việc và cũng không đến tham dự phiên tòa nên không có lời khai.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H. Về con chung: Cháu Phạm D và cháu Phạm Thị Kiều T đã trưởng thành nên không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không xét. Án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Phú Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 16 tháng 9 năm 1998) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh Q không đến làm việc và không có lời khai nên Tòa không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại Tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Q.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã thực sự trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, tự sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Trước đó chị H đã nộp đơn xin ly hôn, Tòa đã hòa giải đoàn tụ, chị H rút đơn để tạo cơ hội vợ chồng bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Q.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung, Phạm D, sinh năm 1999 và Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 20/01/2002. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Chị H khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H, xử cho chị H được ly hôn anh Phạm Phú Q.

2- Về con chung: Không xem xét.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002983 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

5- Chị Nguyễn Thị Bích H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Phú Q được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã B, GCNKH số 39 ngày 16/9/1998 (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng